

Số: 08/NQ-HĐND

Mai Sơn, ngày 26 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện
các Chương trình mục tiêu Quốc gia

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN KHOÁ XXI
KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30/01/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 15/5/2023 của HĐND huyện Mai Sơn phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Nhà nước năm 2023 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của HĐND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023;

Xét đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 19/4/2024; Báo cáo thẩm tra số 34/BC-KTXH ngày 23/4/2024 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và thảo luận tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia như sau:

I. Điều chỉnh kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững

1. Khái quát Kế hoạch vốn đã phân bổ

Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 15/5/2023 của HĐND huyện Mai Sơn phân bổ tiểu dự án 3, Dự án 4 cho Phòng Lao động Thương binh và Xã hội số tiền 1.040,0 triệu đồng.

2. Kế hoạch vốn đề nghị điều chỉnh

- Điều chỉnh giảm kinh phí đã giao cho Phòng Lao động Thương binh và Xã hội số tiền 765,0 triệu đồng

- Điều chỉnh tăng kinh phí cho UBND các xã, thị trấn tăng số tiền 765,0 triệu đồng.

3. Kế hoạch sau điều chỉnh: 1.040,0 triệu đồng, trong đó

- Phòng Lao động Thương binh và Xã hội số tiền 275,00 triệu đồng.

- UBND các xã, thị trấn số tiền 765,0 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

II. Bổ sung, điều chỉnh Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Đối với dự án 8

Bổ sung nội dung 4 “*Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản và người có uy tín trong cộng đồng*” vào Dự án 8 thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của HĐND huyện Mai Sơn.

2. Đối với dự án 10

Điều chỉnh kinh phí tiểu dự án 3 “*Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình*” đã giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 15/5/2023 của HĐND huyện Mai Sơn 30,0 triệu đồng sang cho Phòng Dân tộc.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khoá XXI, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp Chuyên đề lần thứ mười bốn thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Thường trực huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể của huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Cường




Phụ lục

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh									Dự toán sau điều chỉnh			Ghi chú
		Dự toán giao			Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng						
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
			Vốn Trung ương	Vốn đối ứng (ngân sách huyện)		Vốn Trung ương	Vốn đối ứng (ngân sách huyện)		Vốn Trung ương	Vốn đối ứng (ngân sách huyện)		Vốn Trung ương	Vốn đối ứng (ngân sách huyện)	
A	PHÒNG LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	1.040,00	1.040,00	-	765,00	765,00	-	-	-	-	275,00	275,00	-	-
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.040,00	1.040,00	-	765,00	765,00	-	-	-	-	275,00	275,00	-	-
	- Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững:	1.040,00	1.040,00		765,00	765,00		-			275,00	275,00		-
B	UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN (Điều tra, thu thập, cập nhật thông tin người lao động)	-	-	-	-	-	-	765,00	765,00	-	765,00	765,00	-	-
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững							-						
1	Thị trấn Hát Lót	-			-			70,00	70,00		70,00	70,00		-
2	Xã Hát Lót	-			-			45,00	45,00		45,00	45,00		-
3	Xã Chiềng Mung	-			-			50,00	50,00		50,00	50,00		-
4	Xã Mường Bon	-			-			35,00	35,00		35,00	35,00		-
5	Xã Mường Bằng	-			-			35,00	35,00		35,00	35,00		-
6	Xã Chiềng Ban	-			-			35,00	35,00		35,00	35,00		-
7	Xã Chiềng Mai	-			-			25,00	25,00		25,00	25,00		-
8	Xã Chiềng Kheo	-			-			15,00	15,00		15,00	15,00		-
9	Xã Chiềng Ve	-			-			15,00	15,00		15,00	15,00		-
10	Xã Chiềng Dong	-			-			15,00	15,00		15,00	15,00		-
11	Xã Nà Ót	-			-			20,00	20,00		20,00	20,00		-



		Dự toán giao			Dự toán điều chỉnh						Ghi chú			
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng		Tổng cộng		Trong đó		
			Vốn Trung ương	Vốn đối ứng (ngân sách huyện)		Tổng cộng	Vốn Trung ương	Vốn đối ứng (ngân sách huyện)	Tổng cộng			Vốn Trung ương	Vốn đối ứng (ngân sách huyện)	
12	Xã Phiêng Cằm	-			-			35,00	35,00		35,00	35,00	-	-
13	Xã Chiến Núi	-			-			30,00	30,00		30,00	30,00	-	-
14	Xã Phiêng Pần	-			-			40,00	40,00		40,00	40,00	-	-
15	Xã Chiềng Lương	-			-			35,00	35,00		35,00	35,00	-	-
16	Xã Cò Nòi	-			-			75,00	75,00		75,00	75,00	-	-
17	Xã Chiềng Chăn	-			-			45,00	45,00		45,00	45,00	-	-
18	Xã Tà Hộc	-			-			25,00	25,00		25,00	25,00	-	-
19	Xã Chiềng Sung	-			-			30,00	30,00		30,00	30,00	-	-
20	Xã Nà Bó	-			-			35,00	35,00		35,00	35,00	-	-
21	Chiềng Chung	-			-			30,00	30,00		30,00	30,00	-	-
22	Mường Chanh	-			-			25,00	25,00		25,00	25,00	-	-
		1.040,00	1.040,00	-	765,00	765,00	-	765,00	765,00	-	1.040,00	1.040,00	-	-